

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 01, Đường Đồng Đa, Phường Thị Nại, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Định (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2016.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Định được thành lập và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259797, cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2006, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 27 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn ./)

Trụ sở công ty: Số 01, Đường Đồng Đa, Phường Thị Nại, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản, súc sản đông lạnh;
- Hàng mỹ nghệ; vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Phương tiện, thiết bị nông cụ, vật tư phục vụ sản xuất nông, lâm. Ngư nghiệp và hàng tiêu dùng (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Mua bán vật tư, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu phục vụ chế biến lâm sản. Sản xuất chế biến gỗ và hàng nông, lâm, hải sản. Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (thực hiện theo quy định của Luật khoáng sản); Sản xuất, gia công, mua bán hàng may;
- Dịch vụ cho thuê kho, giao nhận và bảo quản hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch. Kinh doanh bất động sản, văn phòng cho thuê;
- Đầu tư phát triển hạ tầng;
- Dịch vụ kiều hối, đại lý chi trả ngoại tệ;
- Đại lý bán hàng, dịch vụ ủy thác XNK;
- Kinh doanh cửa hàng miễn thuế. Mua bán xăng dầu, phân bón. (Hoạt động phải đảm bảo các điều kiện và Giấy phép kinh doanh theo quy định);
- Sản xuất, chế biến, gia công, mua bán các mặt hàng lâm sản xuất khẩu và kinh doanh nội địa. Mua bán vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị ngành chế biến lâm sản.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2016 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phan Hoài Hiệp	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Văn Tâm	Thành viên
Ông Lê Đức Tân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Tá Chung	Thành viên/Thư ký

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đức Tân	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Phó Tổng Giám Đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đại Dương.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH



Đỗ Văn Tâm

Tổng giám đốc

Bình Định, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Số : 7072 -17/BCKT-TC/OCA

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016
của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Định

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Định

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Đại Dương đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính 2016 được lập ngày 28/03/2017 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Định (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 25 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02-03, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty nên chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục có liên quan khác trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lưu ý người đọc báo cáo: Đến thời điểm 31/12/2016 số lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của Công ty là: 31.960.856.340 đồng. Số lỗ này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm tiếp theo.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Định giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán Đại Dương giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Nguyễn Long Giang

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3394-2015-129-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI DƯƠNG

Phạm Thị Phương Nhung

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2569-2013-129-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.799.988.224	9.285.613.515
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	266.491.403	915.786.878
1 Tiền	111		266.491.403	915.786.878
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	2.817.162.951	8.007.074.882
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.212.675.000	159.248.500
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		314.933.000	1.887.460.772
6 Các khoản phải thu khác	136		1.289.554.951	5.960.365.610
IV Hàng tồn kho	140	V.3	287.068.076	287.068.076
1 Hàng tồn kho	141		8.287.068.076	8.287.068.076
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		429.265.794	75.683.679
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	52.541.068	36.033.331
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		344.584.131	7.509.753
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		32.140.595	32.140.595
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		29.162.875.578	21.283.789.584
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		10.349.098.017	11.224.174.867
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	10.349.098.017	11.224.174.867
- Nguyên giá	222		19.034.652.724	19.762.501.803
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.685.554.707)	(8.538.326.936)
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		8.057.516.196	1.404.797.898
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.057.516.196	1.404.797.898
V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	10.671.200.000	8.421.200.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.671.200.000	8.421.200.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		85.061.365	233.616.819
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4	85.061.365	233.616.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		32.962.863.802	30.569.403.099

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		34.678.595.999	32.401.299.792
I Nợ ngắn hạn	310		34.678.595.999	32.401.299.792
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	5.659.014.527	1.583.685.399
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	461.370.665	1.000.720.665
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	6.912.595.766	6.570.210.753
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		959.499.998	88.181.819
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	16.148.417.038	18.220.803.151
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	4.553.943.842	4.953.943.842
12 Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(16.245.837)	(16.245.837)
II Nợ dài hạn	330		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		(1.715.732.197)	(1.831.896.693)
I Vốn chủ sở hữu	410	V.12	(1.715.732.197)	(1.831.896.693)
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		245.124.143	245.124.143
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(31.960.856.340)	(32.077.020.836)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		32.962.863.802	30.569.403.099

Bình Định, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Tổng giám đốc



Trần Anh Quốc



Đỗ Văn Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 01, Đường Đồng Đa, Phường Thị Nại,
TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2016

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13	21.783.068.200	19.009.776.355
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		21.783.068.200	19.009.776.355
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.14	19.407.627.806	22.321.850.000
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.375.440.394	(3.312.073.645)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15	42.236.229	1.734.771.882
7 Chi phí tài chính	22	VI.16	575.919.280	1.147.589.724
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		575.919.280	1.147.589.724
8 Chi phí bán hàng	24		942.875.144	51.006.000
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.352.755.827	5.726.074.859
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(2.453.873.628)	(8.501.972.346)
11 Thu nhập khác	31	VI.17	3.076.540.276	28.133.513.623
12 Chi phí khác	32	VI.18	506.502.152	2.424.046.691
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.570.038.124	25.709.466.932
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		116.164.496	17.207.494.586
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	376.715.329
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		116.164.496	16.830.779.257
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		39	5.610

Bình Định, ngày 28 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

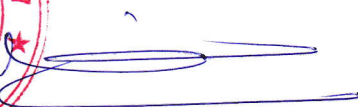
Kế toán trưởng



Trần Anh Quốc



Tổng giám đốc



Đỗ Văn Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 01, Đường Đồng Đa, Phường Thị Nại,

TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2016

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		116.164.496	17.207.504.586
2. Điều chỉnh cho các khoản			4.840.486.976	28.718.990.103
- Khấu hao tài sản cố định	02		(147.227.771)	(3.413.185.066)
- Các khoản dự phòng	03	VII.21		8.000.000.000
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		4.411.795.467	22.984.585.445
- Chi phí lãi vay	06		575.919.280	1.147.589.724
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.956.651.472	45.926.494.689
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.889.911.931	(3.083.227.869)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.083.414.633	(39.326.415.249)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		132.047.717	(185.473.787)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(151.485.962)	(264.896.682)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(376.725.329)	(116.921.050)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			8.572.808.349
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.481.450.058)	(9.245.562.151)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52.364.404	2.276.806.250
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.065.129.152)	(136.363.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		272.727.273	332.272.727
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.490.742.000	119.003.498
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(301.659.879)	314.912.589
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(400.000.000)	(2.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(400.000.000)	(2.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(649.295.475)	391.718.839
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		915.786.878	524.068.039
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		266.491.403	915.786.878

Bình Định, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng



Trần Anh Quốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Tổng giám đốc




Đỗ Văn Tâm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Định được thành lập và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259797, cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2006, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 27 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn ./)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và cho thuê mặt bằng, nhà kho.

3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản, súc sản đông lạnh;
- Hàng mỹ nghệ; vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Phương tiện, thiết bị nông cụ, vật tư phục vụ sản xuất nông, lâm. Ngư nghiệp và hàng tiêu dùng (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Mua bán vật tư, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu phục vụ chế biến lâm sản. Sản xuất chế biến gỗ và hàng nông, lâm, hải sản. Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (thực hiện theo quy định của Luật khoáng sản); Sản xuất, gia công, mua bán hàng may;
- Dịch vụ cho thuê kho, giao nhận và bảo quản hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch. Kinh doanh bất động sản, văn phòng cho thuê;
- Đầu tư phát triển hạ tầng;
- Dịch vụ kiều hối, đại lý chi trả ngoại tệ;
- Đại lý bán hàng, dịch vụ ủy thác XNK;
- Kinh doanh cửa hàng miễn thuế. Mua bán xăng dầu, phân bón. (Hoạt động phải đảm bảo các điều kiện và Giấy phép kinh doanh theo quy định);
- Sản xuất, chế biến, gia công, mua bán các mặt hàng lâm sản xuất khẩu và kinh doanh nội địa. Mua bán vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị ngành chế biến lâm sản.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đang áp dụng thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính đã ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2016****(tiếp theo)****4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao (năm)**

Nhà cửa vật kiến trúc

06 - 50

Máy móc, thiết bị

05 - 20

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

06 - 10

TSCĐ khác

04 - 25

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của thành viên góp vốn.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

- 7.1** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- 7.2** Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.
- 7.3** Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỉ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.
- 7.4** Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, gồm: chi phí lãi vay phải trả đã trừ đi phần chi phí lãi vay vốn hoá vào giá trị công trình và chênh lệch tỷ giá.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

10.2 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hàng hóa.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt (VND)	208.038.616	150.356.389
Tiền gửi ngân hàng	58.452.787	765.430.489
Tiền gửi VND	35.299.773	689.277.722
+ Ngân hàng Vpbank	1.141.831	22.628.347
+ Ngân hàng Vietcombank	1.954.782	2.545.040
+ Ngân hàng BIDV Bình Định	891.617	3.620.685
+ Ngân hàng NN & PTNT Quy Nhơn	572.227	572.227
+ Ngân hàng Sacombank	15.930.072	169.862.740
+ Ngân hàng BIDV- Sở Giao dịch II	531.498	531.498
+ Ngân hàng BIDV -CN Phú Tài	14.277.746	489.517.185
Tiền gửi USD	23.153.014	76.152.767
+ Ngân hàng Vietcombank Quy 1	6.306.448	61.153.485
+ Ngân hàng BIDV Bình Định	9.212.744	7.242.370
+ Ngân hàng NN&PTNN Quy Nhơn	6.137.012	6.137.012
+ Ngân hàng BIDV- Sở Giao dịch II	171.875	171.875
+ Ngân hàng BIDV -CN Phú Tài	1.324.935	1.448.025
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	266.491.403	915.786.878

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng	1.212.675.000	159.248.500
Công ty TNHH Quốc An Bình Định	1.043.550.000	-
Cty TNHH TM DV Thiện Phát	103.500.000	-
Cty TNHH Quốc Anh	54.625.000	54.625.000
Thái Văn Đen	11.000.000	11.000.000
Lâm Duy Vũ	-	4.500.000
Công ty TNHH Hiệp Phú	-	21.450.000
Công ty TNHH TM Hồng Nga Sài Gòn	-	61.875.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Dịch vụ Tiến Linh	-	5.798.500
Trả trước cho người bán	314.933.000	1.887.460.772
Cty CP Tư vấn TK Công nghiệp và Dân dụng	266.250.000	266.250.000
Chi nhánh Bình Định - Công ty CP Viễn thông FPT	2.244.000	2.244.000
Cty TNHH Tư vấn TK XD Trương Nguyễn	43.239.000	43.239.000
Viện tin học Doanh nghiệp	3.200.000	-
Trung tâm Kinh doanh - Viễn thông Bình Định	-	133.156
Công ty Điện Lực Quy Nhơn	-	594.616
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây lắp Hùng Vương	-	1.550.000.000
Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế & Đầu tư Xây dựng Lam Sơn	-	25.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 01, Đường Đồng Đa, Phường Thị Nại,
TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Phải thu khác			1.289.554.951	5.960.365.610
Công ty CP CB TBS XK Bình Định			960.888.018	5.668.752.000
Các khoản thuế Chi Nhánh từ 2000 – 2005			260.217.120	260.217.120
Tiền Bảo hiểm Mai Trà Phương Uyên			3.237.975	-
Lê Hồng Công			7.809.338	7.809.338
Công ty Bảo Minh Bình Định			20.500.000	
Tiền Bảo hiểm Lê Thanh Hiệp			-	4.774.652
Phải thu CBCNV (141)			36.902.500	18.812.500
Tổng cộng			2.817.162.951	8.007.074.882
3. Hàng tồn kho	31/12/2016			01/01/2016
	VND			VND
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.287.068.076	(8.000.000.000)	8.287.068.076	(8.000.000.000)
Tổng cộng:	8.287.068.076	(8.000.000.000)	8.287.068.076	(8.000.000.000)
4. Chi phí trả trước			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn			52.541.068	36.033.331
Chi phí trả trước dài hạn			85.061.365	233.616.819
Cộng			137.602.433	269.650.150

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 01, Đường Đồng Đa, Phường Thị Nại,
TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2016	16.749.007.021	2.172.542.880	768.747.380	72.204.522	19.762.501.803
Mua trong năm	-	397.755.516	-	-	397.755.516
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác (thu hồi, điều chuyển)	(741.789.292)	(383.815.303)	-	-	(1.125.604.595)
Số dư ngày 31/12/2016	16.007.217.729	2.186.483.093	768.747.380	72.204.522	19.034.652.724

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư ngày 01/01/2016	6.487.021.538	1.210.353.496	768.747.380	72.204.522	8.538.326.936
Khấu hao trong năm	848.031.025	193.280.654	-	-	1.041.311.679
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm do điều chỉnh	(9.921.602)	(500)	-	-	(9.922.102)
Giảm khác (thu hồi, điều chuyển)	(741.789.292)	(142.372.514)	-	-	(884.161.806)
Số dư ngày 31/12/2016	6.583.341.669	1.261.261.136	768.747.380	72.204.522	8.685.554.707

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2016	10.261.985.483	962.189.384	-	-	11.224.174.867
Tại ngày 31/12/2016	9.423.876.060	925.221.957	-	-	10.349.098.017

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.285.310.227 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 01, Đường Đồng Đa, Phường Thị Nại,
TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	10.671.200.000	8.421.200.000
Công ty CP Chế biến Tinh bột sắn XK Bình Định	10.671.200.000	8.421.200.000
Tổng cộng	10.671.200.000	8.421.200.000
7. Phải trả người bán	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.659.014.527	1.583.685.399
ADIS PTE, LTD	64.170.753	64.170.753
Công ty CP SX TM DV XNK Dung Quất	101.818.219	101.818.219
Công ty TNHH Hoàng Tâm	75.479.740	75.479.740
Công ty TNHH Hoàng Trang	50.811.227	50.811.227
Công ty TNHH Quốc Kiên	36.930.630	36.930.630
Công ty TNHH GN VT Sao Thái Bình Dương	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH SX TM Vĩ Nam Việt	29.139.286	29.139.286
Xí nghiệp Khai thác CBLs Tam Nguyên	8.000.000	8.000.000
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam	524.275.867	524.275.867
Công ty TNHH TM&DV Đông Á	33.587.928	33.587.928
Công ty TNHH Tư vấn XD Kim Tín	1.269.000	1.269.000
Công ty SGS Việt Nam TNHH	57.430.749	57.430.749
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây lắp Hùng Vương	2.902.756.128	-
Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội	44.000.000	-
Công ty Cổ phần Long Bình	100.000.000	209.584.000
Công ty TNHH Thảo Truyền	100.000.000	160.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Vạn Long	1.479.345.000	-
Công ty TNHH SX TM Tân Quốc Hưng	-	17.600.000
Công ty TNHH Xây Dựng Việt Tín	-	163.588.000
Tổng cộng	5.659.014.527	1.583.685.399
8. Người mua trả tiền trước	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	461.370.665	1.000.720.665
Công ty CP KCN Sài Gòn Nhơn Hội	100.000.000	100.000.000
Cty TNHH Thanh Thủy	217.520.665	217.520.665
Công ty Cổ phần Greenfeed Việt Nam Chi nhánh Bình Định	105.600.000	-
Công ty TNHH TM Hồng Nga Sài Gòn	38.250.000	-
CV.GLORY PERSADA MANUNGGAL	-	449.200.000
Công ty TNHH Một Thành Viên HATACO	-	234.000.000
Tổng cộng	461.370.665	1.000.720.665

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 01, Đường Đồng Đa, Phường Thị Nại,
TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2016	Số đã thực nộp	Số phải nộp	31/12/2015
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
Thuế GTGT đầu ra	4.957.732.015	72.263.174	117.433.822	4.912.561.367
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.364.935	376.725.329	18.439.902	432.650.362
Thuế thu nhập cá nhân	28.679.282	10.882.240	5.449.989	34.111.533
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.851.819.534	1.262.253.702	1.923.185.745	1.190.887.491
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng:	6.912.595.766	1.725.124.445	2.067.509.458	6.570.210.753

10. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	58.484.012	43.636.604
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	232.446.792	192.769.720
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.857.486.234	17.984.396.827
Công ty mua bán nợ DATC (Nợ gốc)	5.800.000.000	6.818.305.115
Công ty mua bán nợ DATC (Nợ lãi)	5.741.770.839	6.292.516.096
DNTN TM Nhơn	1.440.000.000	1.920.000.000
Lãi vay Pisico	2.657.459.786	2.657.459.786
Phải trả thù lao HĐQT	105.000.000	105.000.000
Phải trả khác	113.255.609	191.115.830
Tổng cộng	16.148.417.038	18.220.803.151

11. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2015
	VND			VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.553.943.842	-	400.000.000	4.953.943.842
Cán bộ công nhân viên	759.170.869		400.000.000	1.159.170.869
Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định	3.794.772.973	-	-	3.794.772.973
Tổng cộng	4.553.943.842	-	400.000.000	4.953.943.842

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 01, Đường Đồng Đa, Phường Thị Nại,
TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	14.827.245.332	245.124.143	(48.907.800.093)	(33.835.430.618)
Tăng vốn trong năm trước	15.172.754.668	-	-	15.172.754.668
Lãi trong năm trước		-	16.830.779.257	16.830.779.257
Số dư tại ngày 31/12/2015	30.000.000.000	245.124.143	(32.077.020.836)	(1.831.896.693)
Lỗ trong kỳ		-	116.164.496	116.164.496
Số dư tại ngày 31/12/2016	30.000.000.000	245.124.143	(31.960.856.340)	(1.715.732.197)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31/12/2016

VND

+ Theo giấy chứng nhận kinh doanh		30.000.000.000
+ Vốn góp thực		30.000.000.000
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	50,58%	15.172.750.000
- Đỗ Văn Tâm	34,70%	10.409.250.000
- Lê Thanh Hiệp	2,04%	611.000.000
- Lê Đức Tân	0,55%	164.000.000
- Lê Thị Kim Yến	0,44%	132.040.000
-Huỳnh Văn Lệnh	0,17%	50.000.000
-Cổ Đông khác	11,54%	3.460.960.000

Cộng

30.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Năm 2016 Cổ phiếu	Năm 2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 01, Đường Đồng Đa, Phường Thị Nại,
TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

13. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa	18.285.915.582	14.334.200.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.497.152.618	4.675.576.355
Tổng cộng	21.783.068.200	19.009.776.355
14. Giá vốn hàng bán	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	16.864.984.938	22.321.850.000
Giá vốn dịch vụ	2.542.642.868	-
Tổng cộng	19.407.627.806	22.321.850.000
15. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi tiền cho vay	8.793.191	11.695.186
Lãi cho vay Cty Tinh bột sắn	32.878.018	119.003.498
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	565.020	8.553.198
Cổ tức được chia tại Công ty Cổ phần Chế biến TBS XK Bình Định	-	1.595.520.000
Tổng cộng	42.236.229	1.734.771.882
16. Chi phí tài chính	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	574.989.590	1.147.589.724
+ Lãi vay cá nhân	107.281.962	-
+ Lãi vay DATC	467.707.628	-
Chênh lệch tỷ giá	929.690	-
Tổng cộng	575.919.280	1.147.589.724
17. Thu nhập khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lãi được giảm	-	18.500.000.000
Lợi nhuận được chia của DNTN TM Nhơn	480.000.000	-
Tiền thuê đất được giảm	134.567.957	426.950.681
Tiền hỗ trợ, đền bù do NN thu hồi đất	2.143.605.754	8.543.655.849
Thu từ thanh lý tài sản	272.727.273	332.272.727
Các khoản thu khác	45.639.292	330.634.366
Tổng cộng	3.076.540.276	28.133.513.623
18. Chi phí khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền phạt chậm nộp BHXH, thuế	163.520.308	931.232.445
Thanh lý TSCĐ	-	1.402.979.375
Tiền thuê đất 376 Hùng Vương	186.775.776	-
Các chi phí khác	156.206.068	89.834.871

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2016****(tiếp theo)****VII. Những thông tin khác****19. Công cụ tài chính****Quản lý vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản vay	4.553.943.842	4.953.943.842
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	266.491.403	915.786.878
Nợ thuần	4.287.452.439	4.038.156.964
Vốn chủ sở hữu	(1.715.732.197)	(1.831.896.693)
Hệ số nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	(2,50)	(2,20)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	266.491.403	915.786.878
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.502.229.951	6.119.614.110
Tổng cộng	2.768.721.354	7.035.400.988
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.553.943.842	4.953.943.842
Phải trả người bán và phải trả khác	21.807.431.565	19.804.488.550
Chi phí phải trả	-	-
Tổng cộng	26.361.375.407	24.758.432.392

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2016****(tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, tính tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 01, Đường Đồng Đa, Phường Thị Nại,
TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	266.491.403	-	266.491.403
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.502.229.951	-	2.502.229.951
Tổng cộng	2.768.721.354	-	2.768.721.354
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	4.553.943.842	-	4.553.943.842
Phải trả người bán và phải trả khác	21.807.431.565	-	21.807.431.565
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	26.361.375.407	-	26.361.375.407
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	(23.592.654.053)	-	(23.592.654.053)
Tại ngày 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	915.786.878	-	915.786.878
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.119.614.110	-	6.119.614.110
Tổng cộng	7.035.400.988	-	7.035.400.988
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	4.953.943.842	-	4.953.943.842
Phải trả người bán và phải trả khác	19.804.488.550	-	19.804.488.550
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	24.758.432.392	-	24.758.432.392
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	(17.723.031.404)	-	(17.723.031.404)

Ban Tổng giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

20. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau này khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

21. Thông tin về các bên liên quan**21.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Quan hệ với
Công ty

Năm 2016

VND

Lãi vay phải trả

Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam

Cổ đông

467.707.628

21.3 Số dư với các bên liên quan

Quan hệ với
Công ty

31/12/2016

01/01/2016

VND

VND

Vay dài hạn

Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (nợ gốc)

Cổ đông

5.800.000.000

6.818.305.115

Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (nợ lãi)

Cổ đông

5.741.770.839

6.292.516.096

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

22. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán.

28. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

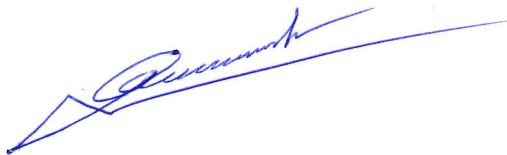
23. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Bình Định, ngày 28 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH ĐỊNH

Kế toán trưởng



Trần Anh Quốc

Tổng giám đốc



Đỗ Văn Tâm